

Thanh khoản hạ nhiệt

Trong tuần 30, thanh khoản trên thị trường ghi nhận giảm nhẹ. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 348.1 triệu chứng quyền/594.0 tỷ đồng, giảm 7.1%/ tăng 9.2% so với tuần liền trước.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, HPG và VPB là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 29% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như MBB, STB, MSN, VHM, VIB và MWG.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CVJC2503 (+322.9%), CHDB2503 (+194.6%) và CHDB2504 (+118.8%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CFPT2508 (-95.9%), CHPG2510 (-40.4%) và CMSN2510 (-30.1%).

Sau nhiều tuần tăng mạnh, hoạt động giao dịch trên thị trường chứng quyền trong tuần vừa qua có phần hạ nhiệt khi thanh khoản ghi nhận điều chỉnh nhẹ. Tuy vậy, số lượng chứng quyền tăng giá vẫn chiếm ưu thế, cho thấy dòng tiền vẫn đang duy trì sự tích cực và tâm lý thị trường nhìn chung vẫn ổn định. Dựa trên kết quả định giá bằng mô hình Black-Scholes, một số mã chứng quyền đang được định giá thấp (undervalued), nổi bật gồm: CVHM2507, CVHM2506 và CVHM2509. Ở hướng ngược lại, các mã như CVHM2512, CMSN2516 và CVIC2509 đang trong trạng thái bị định giá cao (overvalued), theo thống kê trên tổng số 246 mã chứng quyền được định giá.

Bảng 1. Thống kê thị trường

Chứng quyền	246
Khối lượng giao dịch (tr.CQ)	348
Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	594
CW tăng giá	115
CW giảm giá	87
CW tham chiếu	4

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 2. Định giá chứng quyền

Chứng quyền	246
Định giá thấp	11
Định giá cao	246

Nguồn: FiinproX, KIS Research

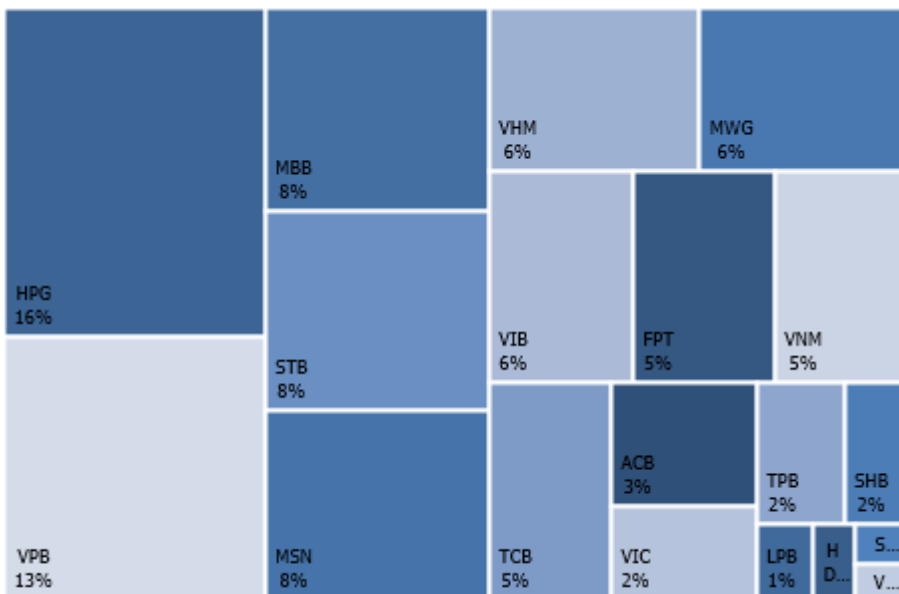
Bảng 3. Top CW định giá thấp

Mã	Giá thị trường	Giá nội tại	Chênh lệch
CVHM2507	7,250	8,150	(900)
CVHM2506	7,760	8,565	(805)
CVHM2509	7,210	7,559	(349)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Ghi chú: Tính đến cuối phiên thứ Sáu gần nhất

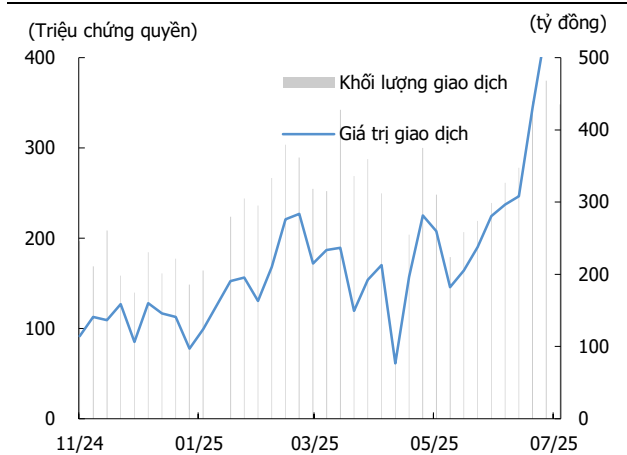
Hình 1. Giá trị giao dịch của CW theo TSCS



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Phòng phân tích

Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Khối lượng và giá trị giao dịch CW

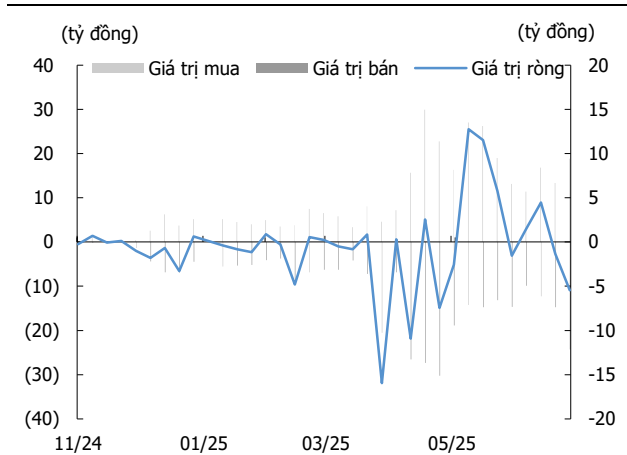
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 4. Top 10 giá trị giao dịch

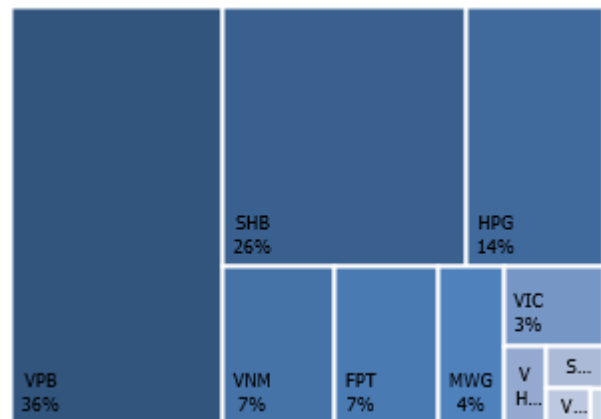
(đồng, % tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Giá trị giao dịch
CHPG2406	24/10/2025	1,160	(3.3)	22.1
CHPG2504	23/10/2025	1,950	(4.4)	19.0
CHPG2518	18/05/2026	2,060	(4.2)	17.5
CVHM2513	10/10/2025	4,160	(1.2)	15.0
CVPB2501	23/10/2025	2,720	51.3	14.5
CVIB2407	31/10/2025	2,120	28.5	14.2
CVPB2513	18/05/2026	3,790	23.5	13.6
CVPB2514	10/10/2025	3,550	21.0	13.1
CMBB2511	18/05/2026	1,880	26.2	12.7
CVHM2514	11/12/2025	4,920	(1.4)	12.0

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 3. Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Hoạt động giao dịch nước ngoài theo TSCS

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. Top 3 nước ngoài mua ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CVPB2506	02/10/2025	2,420	42.4	3.53	(1.80)	1.73
CVNM2511	18/05/2026	2,260	21.5	0.91	(0.00)	0.91
CHPG2515	17/12/2025	920	18.1	1.53	(1.11)	0.42

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 6. Top 3 nước ngoài bán ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CHPG2512	17/09/2025	880	10.0	0.56	(2.73)	(2.17)
CHPG2514	17/11/2025	920	1.1	0.11	(1.02)	(0.92)
CSSB2503	17/11/2025	360	33.3	0.23	(0.97)	(0.75)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 7. CW và TSCS

(Tỷ đồng, % tuần, Tỷ đồng, Chứng quyền)

TSCS	Tên	Ngành	Vốn hóa	Sở hữu nước ngoài	Số chứng quyền	Vốn hóa CW	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	121,225.1	30.0%	8	97,370.0	19.5	14,423,253.0
BCM	Becamex IDC	Bất động sản	72,243.0	2.1%				
BID	BIDV	Tài chính	272,779.9	17.5%				
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	38,600.8	27.3%				
CTG	VietinBank	Tài chính	244,871.6	27.2%				
FPT	FPT Corp	CNTT	188,580.7	40.9%	17	153,117.0	32.0	29,434,357.0
GAS	PV Gas	DV tiện ích	160,941.6	1.9%				
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	124,800.0	0.8%				
HDB	HDBank	Tài chính	98,735.5	17.5%	3	9,430.0	3.5	5,075,300.0
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	199,945.9	22.6%	24	404,099.0	92.5	56,672,620.0
MBB	MBBank	Tài chính	173,609.7	23.2%	15	348,286.0	49.2	21,799,100.0
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	109,027.1	25.8%	13	185,190.0	45.6	28,454,934.0
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	103,639.8	49.0%	13	250,721.0	37.2	22,352,000.0
SHB	Ngân hàng Sài Gòn	Tài chính	61,182.0	4.6%	4	27,050.0	10.0	7,078,200.0
SSB	Ngân hàng Đông Nam Á	Tài chính	58,891.5	0.3%	3	3,280.0	2.4	7,449,800.0
PLX	Petrolimex	Năng lượng	48,409.6	17.0%				
LPB	Ngân hàng Lạc Phát	Tài chính	105,301.7	0.9%	3	47,640.0	4.6	5,838,700.0
SAB	SABECO	TD thiết yếu	62,973.8	58.9%				
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	67,043.7	42.0%				
STB	Sacombank	Tài chính	91,998.5	20.0%	18	480,650.0	48.0	13,090,200.0
TCB	Techcombank	Tài chính	248,682.8	22.5%	11	247,355.0	28.8	9,822,102.0
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	41,214.5	24.4%	3	40,010.0	13.5	7,045,400.0
VCB	Vietcombank	Tài chính	518,051.9	22.0%				
VHM	Vinhomes	Bất động sản	384,864.5	10.5%	15	1,040,575.0	37.3	7,022,850.0
VIB	VIBBank	Tài chính	62,490.2	5.0%	7	121,882.0	32.7	26,302,700.0
VIC	VinGroup	Bất động sản	436,279.8	6.8%	6	567,800.0	14.7	1,476,400.0
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	72,117.4	7.8%	1	4,440.0	2.2	2,540,686.0
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	132,085.2	48.7%	13	127,492.0	30.7	28,479,600.0
VPB	VPBank	Tài chính	190,810.9	25.7%	15	479,165.0	74.2	37,822,340.0
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	67,033.4	18.4%	14	390,420.0	14.3	7,705,943.0

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

Ghi chú: CW: Chứng quyền và TSCS: Tài sản cơ sở

Bảng 8. CW trên thị trường

(đồng, %)

Stt	Mã	CW			TSCS				% Premium	Số phiên còn lại	Ngày giao dịch cuối cùng
		Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Giá đóng cửa	TSCS	Giá thực hiện	Giá hòa vốn	Giá đóng cửa			
1	CFPT2507	6.8997 : 1	3,400	50	FPT	133,682	134,027	110,700	(17.0)	11	01/08/2025
2	CHPG2509	2.4982 : 1	1,700	1,150	HPG	23,316	26,189	26,050	0.0	11	01/08/2025
3	CMBB2508	2.0000 : 1	2,200	2,770	MBB	23,000	28,540	28,450	(2.0)	11	01/08/2025
4	CFPT2405	8.5649 : 1	2,900	540	FPT	115,625	120,250	110,700	(7.5)	20	12/08/2025
5	CHPG2410	3.3309 : 1	1,300	990	HPG	23,316	26,614	26,050	(1.6)	20	12/08/2025
6	CTCB2404	5.0000 : 1	1,000	2,220	TCB	25,000	36,100	35,200	(2.6)	20	12/08/2025
7	CVHM2409	5.0000 : 1	1,500	9,610	VHM	42,000	90,050	93,700	3.7	20	12/08/2025
8	CVPB2410	2.9206 : 1	1,200	1,360	VPB	20,444	24,416	24,050	(3.8)	20	12/08/2025
9	CVRE2408	3.0000 : 1	1,100	3,230	VRE	20,000	29,690	29,500	(0.3)	20	12/08/2025
10	CHDB2503	4.0000 : 1	1,000	1,090	HDB	25,555	29,915	28,250	(9.0)	56	17/09/2025
11	CHPG2512	3.3309 : 1	1,000	880	HPG	24,888	27,819	26,050	(5.9)	56	17/09/2025
12	CMSN2506	10.0000 : 1	1,000	790	MSN	75,555	83,455	75,800	(8.3)	56	17/09/2025
13	CSHB2503	1.9270 : 1	1,000	1,530	SHB	12,332	15,280	15,050	(2.6)	56	17/09/2025
14	CSSB2502	4.0000 : 1	1,000	300	SSB	21,234	22,434	20,700	(9.8)	56	17/09/2025
15	CSTB2508	4.0000 : 1	1,000	2,320	STB	40,999	50,279	48,800	(2.6)	56	17/09/2025
16	CVHM2506	5.0000 : 1	1,000	7,760	VHM	51,111	89,911	93,700	3.9	56	17/09/2025
17	CVIC2505	5.0000 : 1	1,000	11,900	VIC	55,555	115,055	114,100	0.2	56	17/09/2025
18	CVJC2503	10.0000 : 1	1,000	1,480	VJC	109,999	124,799	121,900	(8.9)	56	17/09/2025
19	CVNM2507	7.7265 : 1	1,000	470	VNM	65,460	69,091	63,200	(9.7)	56	17/09/2025
20	CVPB2508	1.9471 : 1	1,000	1,830	VPB	21,093	24,656	24,050	(4.7)	56	17/09/2025
21	CVRE2507	4.0000 : 1	1,000	2,510	VRE	19,888	29,928	29,500	(1.1)	56	17/09/2025
22	CHPG2502	2.4982 : 1	2,000	1,450	HPG	22,900	26,522	26,050	(1.3)	63	24/09/2025
23	CSTB2502	3.0000 : 1	2,800	4,600	STB	35,500	49,300	48,800	(0.7)	63	24/09/2025
24	CVPB2506	1.9471 : 1	1,200	2,420	VPB	19,666	24,378	24,050	(3.6)	73	02/10/2025
25	CACB2505	2.5068 : 1	1,470	1,290	ACB	21,977	25,211	23,600	(7.7)	76	07/10/2025
26	CMWG2505	5.9149 : 1	1,720	2,180	MWG	60,135	73,029	70,100	(4.5)	76	07/10/2025
27	CSTB2505	3.0000 : 1	1,990	3,420	STB	40,000	50,260	48,800	(2.6)	76	07/10/2025
28	CVNM2504	5.7949 : 1	1,640	1,040	VNM	62,778	68,805	63,200	(9.3)	76	07/10/2025
29	CACB2507	1.6712 : 1	2,000	2,070	ACB	20,890	24,349	23,600	(4.5)	81	10/10/2025
30	CFPT2514	8.6247 : 1	2,300	1,460	FPT	103,495	116,087	110,700	(4.1)	81	10/10/2025
31	CHPG2519	1.6654 : 1	2,100	2,600	HPG	22,483	26,813	26,050	(2.3)	81	10/10/2025
32	CLPB2502	4.6575 : 1	1,100	780	LPB	34,466	38,099	35,250	(7.0)	81	10/10/2025
33	CMBB2512	2.0000 : 1	1,800	2,090	MBB	25,000	29,180	28,450	(4.1)	81	10/10/2025
34	CMSN2513	5.0000 : 1	2,200	2,720	MSN	65,000	78,600	75,800	(2.6)	81	10/10/2025
35	CMWG2512	4.9291 : 1	1,900	1,900	MWG	64,078	73,443	70,100	(5.1)	81	10/10/2025
36	CSTB2516	2.0000 : 1	3,000	3,740	STB	43,000	50,480	48,800	(3.0)	81	10/10/2025
37	CTCB2508	2.0000 : 1	2,100	2,280	TCB	32,000	36,560	35,200	(3.8)	81	10/10/2025
38	CVHM2513	5.0000 : 1	1,300	4,160	VHM	74,000	94,800	93,700	(1.5)	81	10/10/2025
39	CVIB2506	1.7565 : 1	1,600	1,720	VIB	15,808	18,829	18,400	(4.0)	81	10/10/2025
40	CVNM2512	4.8291 : 1	1,800	1,460	VNM	58,915	65,965	63,200	(5.4)	81	10/10/2025
41	CVPB2514	1.9471 : 1	1,500	3,550	VPB	17,524	24,436	24,050	(3.9)	81	10/10/2025
42	CVRE2514	2.0000 : 1	1,400	1,240	VRE	30,000	32,480	29,500	(8.8)	81	10/10/2025
43	CHPG2513	3.3309 : 1	1,000	870	HPG	25,721	28,619	26,050	(8.5)	87	16/10/2025
44	CMSN2507	10.0000 : 1	1,000	740	MSN	77,999	85,399	75,800	(10.4)	87	16/10/2025
45	CSTB2509	4.0000 : 1	1,000	2,080	STB	42,999	51,319	48,800	(4.6)	87	16/10/2025

46	CVHM2507	5.0000 : 1	1,000	7,250	VHM	53,333	89,583	93,700	4.3	87	16/10/2025
47	CVIC2506	5.0000 : 1	1,000	11,420	VIC	57,777	114,877	114,100	0.4	87	16/10/2025
48	CVRE2508	4.0000 : 1	1,000	2,250	VRE	20,888	29,888	29,500	(0.9)	87	16/10/2025
49	CHPG2508	1.6654 : 1	2,000	2,720	HPG	22,483	27,013	26,050	(3.0)	90	21/10/2025
50	CTCB2506	4.0000 : 1	1,100	2,790	TCB	25,000	36,160	35,200	(2.8)	90	21/10/2025
51	CVRE2505	2.0000 : 1	1,000	6,430	VRE	17,000	29,860	29,500	(0.8)	90	21/10/2025
52	CACB2503	1.6712 : 1	2,100	1,330	ACB	22,562	24,785	23,600	(6.2)	94	23/10/2025
53	CFPT2502	8.6247 : 1	2,400	230	FPT	146,619	148,603	110,700	(25.1)	94	23/10/2025
54	CHPG2504	1.6654 : 1	2,200	1,950	HPG	24,149	27,397	26,050	(4.4)	94	23/10/2025
55	CMBB2503	1.7377 : 1	1,900	3,740	MBB	22,590	29,089	28,450	(3.8)	94	23/10/2025
56	CMSN2503	5.0000 : 1	2,600	1,570	MSN	75,000	82,850	75,800	(7.6)	94	23/10/2025
57	CMWG2503	4.9291 : 1	2,400	2,270	MWG	62,106	73,295	70,100	(4.9)	94	23/10/2025
58	CSTB2504	2.0000 : 1	2,700	5,940	STB	38,000	49,880	48,800	(1.8)	94	23/10/2025
59	CTCB2503	2.0000 : 1	2,000	5,010	TCB	26,000	36,020	35,200	(2.4)	94	23/10/2025
60	CVHM2502	5.0000 : 1	1,300	9,670	VHM	45,000	93,350	93,700	0.1	94	23/10/2025
61	CVIB2502	1.6895 : 1	1,500	970	VIB	17,740	19,379	18,400	(6.8)	94	23/10/2025
62	CVIC2502	5.0000 : 1	1,300	14,650	VIC	45,000	118,250	114,100	(2.5)	94	23/10/2025
63	CVNM2502	4.7916 : 1	2,300	1,010	VNM	63,249	68,089	63,200	(8.4)	94	23/10/2025
64	CVPB2501	1.9471 : 1	1,600	2,720	VPB	19,471	24,767	24,050	(5.2)	94	23/10/2025
65	CVRE2503	2.0000 : 1	1,600	6,010	VRE	18,000	30,020	29,500	(1.4)	94	23/10/2025
66	CHPG2406	3.3309 : 1	1,300	1,160	HPG	23,316	27,180	26,050	(3.6)	95	24/10/2025
67	CFPT2404	12.8473 : 1	2,600	970	FPT	103,635	116,097	110,700	(4.1)	102	31/10/2025
68	CHPG2409	2.4982 : 1	2,300	2,300	HPG	20,818	26,564	26,050	(1.4)	102	31/10/2025
69	CMBB2407	1.7377 : 1	2,600	3,710	MBB	22,590	29,037	28,450	(3.7)	102	31/10/2025
70	CMSN2406	6.0000 : 1	2,700	920	MSN	79,000	84,520	75,800	(9.5)	102	31/10/2025
71	CMWG2407	5.9149 : 1	2,200	800	MWG	69,007	73,739	70,100	(5.5)	102	31/10/2025
72	CSTB2410	3.0000 : 1	2,200	3,930	STB	38,000	49,790	48,800	(1.7)	102	31/10/2025
73	CTCB2403	5.0000 : 1	1,200	2,020	TCB	26,000	36,100	35,200	(2.6)	102	31/10/2025
74	CVHM2408	4.0000 : 1	2,600	13,150	VHM	38,000	90,600	93,700	3.1	102	31/10/2025
75	CVIB2407	1.6895 : 1	2,400	2,120	VIB	15,205	18,787	18,400	(3.8)	102	31/10/2025
76	CVNM2407	5.7499 : 1	2,500	720	VNM	65,165	69,305	63,200	(10.0)	102	31/10/2025
77	CVPB2409	1.9471 : 1	1,800	1,690	VPB	21,418	24,709	24,050	(4.9)	102	31/10/2025
78	CVRE2407	2.0000 : 1	2,500	6,870	VRE	16,000	29,740	29,500	(0.4)	102	31/10/2025
79	CFPT2509	21.5616 : 1	1,000	590	FPT	120,744	133,465	110,700	(16.6)	117	17/11/2025
80	CHDB2504	4.0000 : 1	1,000	1,050	HDB	26,666	30,866	28,250	(11.8)	117	17/11/2025
81	CHPG2514	3.3309 : 1	1,000	920	HPG	26,369	29,433	26,050	(11.0)	117	17/11/2025
82	CMSN2508	10.0000 : 1	1,000	790	MSN	79,777	87,677	75,800	(12.7)	117	17/11/2025
83	CMWG2507	9.8582 : 1	1,000	1,090	MWG	65,720	76,465	70,100	(8.8)	117	17/11/2025
84	CSHB2504	1.9270 : 1	1,000	1,600	SHB	12,910	15,993	15,050	(7.0)	117	17/11/2025
85	CSSB2503	4.0000 : 1	1,000	360	SSB	22,345	23,785	20,700	(14.9)	117	17/11/2025
86	CSTB2510	4.0000 : 1	1,000	2,180	STB	43,999	52,719	48,800	(7.1)	117	17/11/2025
87	CVHM2508	5.0000 : 1	1,000	7,650	VHM	54,444	92,694	93,700	0.8	117	17/11/2025
88	CVIC2507	5.0000 : 1	1,000	11,600	VIC	58,888	116,888	114,100	(1.3)	117	17/11/2025
89	CVNM2508	7.7265 : 1	1,000	670	VNM	67,606	72,783	63,200	(14.3)	117	17/11/2025
90	CVPB2509	1.9471 : 1	1,100	1,760	VPB	22,066	25,493	24,050	(7.9)	117	17/11/2025
91	CVRE2509	4.0000 : 1	1,000	2,320	VRE	21,555	30,835	29,500	(4.0)	117	17/11/2025
92	CHPG2526	4.0000 : 1	1,000	1,040	HPG	27,111	31,271	26,050	(16.2)	131	01/12/2025
93	CLPB2504	4.0000 : 1	1,100	1,390	LPB	35,656	41,216	35,250	(14.0)	131	01/12/2025

94	CMSN2517	10.0000 : 1	1,000	1,040	MSN	86,688	97,088	75,800	(21.2)	131	01/12/2025
95	CSHB2507	2.0000 : 1	1,000	1,680	SHB	14,666	18,026	15,050	(17.5)	131	01/12/2025
96	CSSB2505	2.0000 : 1	1,000	1,770	SSB	20,222	23,762	20,700	(14.8)	131	01/12/2025
97	CSTB2522	5.0000 : 1	1,000	1,300	STB	54,567	61,067	48,800	(19.8)	131	01/12/2025
98	CVHM2517	5.0000 : 1	1,100	2,610	VHM	88,888	101,938	93,700	(8.4)	131	01/12/2025
99	CVIB2509	3.5130 : 1	1,000	900	VIB	18,388	21,550	18,400	(16.1)	131	01/12/2025
100	CVIC2510	8.0000 : 1	1,100	2,350	VIC	109,999	128,799	114,100	(10.4)	131	01/12/2025
101	CVJC2504	20.0000 : 1	1,000	1,650	VJC	97,979	130,979	121,900	(13.2)	131	01/12/2025
102	CVNM2516	8.0000 : 1	1,000	1,280	VNM	63,999	74,239	63,200	(15.9)	131	01/12/2025
103	CVPB2517	4.0000 : 1	1,000	1,550	VPB	19,999	26,199	24,050	(10.3)	131	01/12/2025
104	CVRE2517	2.0000 : 1	1,100	2,320	VRE	27,999	32,639	29,500	(9.3)	131	01/12/2025
105	CTCB2513	5.0000 : 1	1,100	1,090	TCB	41,888	47,338	35,200	(25.7)	133	03/12/2025
106	CHPG2521	3.3309 : 1	1,200	1,320	HPG	23,316	27,713	26,050	(5.5)	139	09/12/2025
107	CSHB2506	2.0000 : 1	1,400	1,280	SHB	14,200	16,760	15,050	(11.2)	139	09/12/2025
108	CSTB2518	4.0000 : 1	1,300	2,070	STB	44,000	52,280	48,800	(6.4)	139	09/12/2025
109	CACB2508	1.6712 : 1	2,100	1,980	ACB	21,726	25,035	23,600	(7.1)	143	11/12/2025
110	CFPT2515	8.6247 : 1	2,500	1,780	FPT	106,945	122,297	110,700	(9.0)	143	11/12/2025
111	CHPG2520	1.6654 : 1	2,200	2,630	HPG	23,316	27,696	26,050	(5.4)	143	11/12/2025
112	CLPB2501	4.6575 : 1	1,200	840	LPB	36,329	40,241	35,250	(12.0)	143	11/12/2025
113	CMBB2513	2.0000 : 1	1,900	2,100	MBB	26,000	30,200	28,450	(7.4)	143	11/12/2025
114	CMSN2514	5.0000 : 1	2,300	2,650	MSN	68,000	81,250	75,800	(5.8)	143	11/12/2025
115	CMWG2513	4.9291 : 1	2,200	2,040	MWG	66,050	76,105	70,100	(8.4)	143	11/12/2025
116	CSTB2517	2.0000 : 1	3,400	3,730	STB	45,000	52,460	48,800	(6.7)	143	11/12/2025
117	CTCB2509	2.0000 : 1	2,300	2,120	TCB	34,000	38,240	35,200	(8.1)	143	11/12/2025
118	CVHM2514	5.0000 : 1	1,600	4,920	VHM	72,000	96,600	93,700	(3.3)	143	11/12/2025
119	CVIB2505	1.7565 : 1	1,600	1,480	VIB	16,687	19,287	18,400	(6.3)	143	11/12/2025
120	CVNM2513	4.8291 : 1	1,900	1,580	VNM	60,846	68,476	63,200	(8.9)	143	11/12/2025
121	CVPB2515	1.9471 : 1	1,600	3,340	VPB	18,497	25,000	24,050	(6.0)	143	11/12/2025
122	CVRE2513	2.0000 : 1	1,600	1,770	VRE	30,000	33,540	29,500	(11.7)	143	11/12/2025
123	CHPG2515	3.3309 : 1	1,000	920	HPG	26,832	29,896	26,050	(12.4)	147	17/12/2025
124	CMSN2509	10.0000 : 1	1,000	840	MSN	81,999	90,399	75,800	(15.4)	147	17/12/2025
125	CSTB2511	4.0000 : 1	1,000	2,050	STB	44,999	53,199	48,800	(8.0)	147	17/12/2025
126	CVHM2509	5.0000 : 1	1,000	7,210	VHM	56,666	92,716	93,700	0.8	147	17/12/2025
127	CVIC2508	5.0000 : 1	1,000	11,550	VIC	60,999	118,749	114,100	(2.9)	147	17/12/2025
128	CVRE2510	4.0000 : 1	1,000	2,290	VRE	22,111	31,271	29,500	(5.3)	147	17/12/2025
129	CMBB2514	3.0000 : 1	2,100	2,110	MBB	24,000	30,330	28,450	(7.8)	151	19/12/2025
130	CMSN2515	8.0000 : 1	2,400	2,440	MSN	64,000	83,520	75,800	(8.4)	151	19/12/2025
131	CMWG2514	4.9291 : 1	2,650	2,450	MWG	63,092	75,168	70,100	(7.2)	151	19/12/2025
132	CTCB2510	3.0000 : 1	2,800	2,380	TCB	31,000	38,140	35,200	(7.8)	151	19/12/2025
133	CTPB2504	2.0000 : 1	1,800	1,820	TPB	13,000	16,640	15,600	(6.9)	151	19/12/2025
134	CVHM2515	5.0000 : 1	4,000	7,000	VHM	61,000	96,000	93,700	(2.7)	151	19/12/2025
135	CVIB2507	1.7565 : 1	2,400	1,900	VIB	14,930	18,267	18,400	(1.1)	151	19/12/2025
136	CVRE2515	2.0000 : 1	3,000	4,020	VRE	24,000	32,040	29,500	(7.6)	151	19/12/2025
137	CLPB2505	4.0000 : 1	1,100	1,470	LPB	36,688	42,568	35,250	(16.8)	164	02/01/2026
138	CFPT2505	8.6247 : 1	2,730	840	FPT	136,269	143,514	110,700	(22.5)	168	07/01/2026
139	CHPG2506	3.3309 : 1	1,220	1,530	HPG	23,150	28,246	26,050	(7.3)	168	07/01/2026
140	CTCB2504	6.0000 : 1	1,100	2,110	TCB	24,500	37,160	35,200	(5.4)	168	07/01/2026
141	CFPT2511	8.6247 : 1	2,400	1,880	FPT	106,945	123,159	110,700	(9.6)	171	08/01/2026

142	CMBB2509	2.0000 : 1	2,400	2,990	MBB	24,500	30,480	28,450	(8.2)	171	08/01/2026
143	CMSN2511	8.0000 : 1	1,700	2,590	MSN	59,000	79,720	75,800	(4.0)	171	08/01/2026
144	CMWG2509	7.8865 : 1	1,400	2,500	MWG	53,727	73,443	70,100	(5.1)	171	08/01/2026
145	CSTB2513	4.0000 : 1	2,000	3,130	STB	39,000	51,520	48,800	(5.0)	171	08/01/2026
146	CTPB2502	1.8644 : 1	1,400	2,030	TPB	13,051	16,836	15,600	(7.9)	171	08/01/2026
147	CVHM2510	4.0000 : 1	2,600	9,360	VHM	57,500	94,940	93,700	(1.6)	171	08/01/2026
148	CVIC2509	4.0000 : 1	3,000	13,190	VIC	68,000	120,760	114,100	(4.5)	171	08/01/2026
149	CVNM2510	7.7265 : 1	1,600	1,400	VNM	58,915	69,732	63,200	(10.5)	171	08/01/2026
150	CVPB2511	1.9471 : 1	2,000	3,710	VPB	18,011	25,235	24,050	(6.9)	171	08/01/2026
151	CACB2509	3.0000 : 1	1,800	1,680	ACB	20,500	25,540	23,600	(8.9)	182	21/01/2026
152	CFPT2516	8.6984 : 1	2,400	1,950	FPT	102,641	119,603	110,700	(7.0)	182	21/01/2026
153	CVNM2514	8.0000 : 1	1,700	1,600	VNM	56,000	68,800	63,200	(9.3)	182	21/01/2026
154	CLPB2506	5.0000 : 1	1,100	1,240	LPB	37,399	43,599	35,250	(18.7)	193	30/01/2026
155	CSHB2508	2.0000 : 1	1,000	1,680	SHB	14,888	18,248	15,050	(18.5)	193	30/01/2026
156	CSSB2506	2.0000 : 1	1,000	1,770	SSB	20,555	24,095	20,700	(16.0)	193	30/01/2026
157	CVNM2517	10.0000 : 1	1,000	1,110	VNM	66,888	77,988	63,200	(20.0)	193	30/01/2026
158	CVPB2518	4.0000 : 1	1,000	1,650	VPB	20,999	27,599	24,050	(14.9)	193	30/01/2026
159	CFPT2508	6.8997 : 1	4,900	1,160	FPT	133,682	141,686	110,700	(21.5)	195	03/02/2026
160	CHPG2510	2.4982 : 1	2,400	1,840	HPG	24,149	28,746	26,050	(8.9)	195	03/02/2026
161	CMBB2507	2.0000 : 1	3,000	3,150	MBB	24,000	30,300	28,450	(7.7)	195	03/02/2026
162	CFPT2510	21.5616 : 1	1,000	710	FPT	132,819	148,128	110,700	(24.9)	213	19/02/2026
163	CHDB2505	4.0000 : 1	1,000	980	HDB	27,777	31,697	28,250	(14.2)	213	19/02/2026
164	CHPG2516	3.3309 : 1	1,000	1,110	HPG	27,572	31,269	26,050	(16.2)	213	19/02/2026
165	CMSN2510	10.0000 : 1	1,000	1,030	MSN	83,399	93,699	75,800	(18.3)	213	19/02/2026
166	CMWG2508	9.8582 : 1	1,000	1,080	MWG	71,964	82,611	70,100	(15.6)	213	19/02/2026
167	CSHB2505	1.9270 : 1	1,000	1,810	SHB	13,295	16,783	15,050	(11.3)	213	19/02/2026
168	CSSB2504	4.0000 : 1	1,000	470	SSB	23,123	25,003	20,700	(19.0)	213	19/02/2026
169	CSTB2512	4.0000 : 1	1,100	2,210	STB	45,999	54,839	48,800	(10.7)	213	19/02/2026
170	CVNM2509	7.7265 : 1	1,000	900	VNM	69,537	76,491	63,200	(18.4)	213	19/02/2026
171	CVPB2510	1.9471 : 1	1,100	2,030	VPB	23,040	26,993	24,050	(13.0)	213	19/02/2026
172	CLPB2507	5.0000 : 1	1,100	1,290	LPB	37,979	44,429	35,250	(20.3)	221	27/02/2026
173	CTPB2505	4.0000 : 1	1,000	1,110	TPB	15,678	20,118	15,600	(23.0)	221	27/02/2026
174	CVIB2510	3.5130 : 1	1,000	1,000	VIB	19,223	22,736	18,400	(20.5)	221	27/02/2026
175	CVJC2505	20.0000 : 1	1,000	1,570	VJC	106,868	138,268	121,900	(17.8)	221	27/02/2026
176	CHPG2522	2.4982 : 1	2,300	2,760	HPG	21,651	28,546	26,050	(8.3)	241	19/03/2026
177	CMBB2515	3.0000 : 1	1,750	1,710	MBB	27,000	32,130	28,450	(12.9)	241	19/03/2026
178	CSTB2520	3.0000 : 1	3,300	2,300	STB	48,000	54,900	48,800	(10.8)	241	19/03/2026
179	CTCB2511	3.0000 : 1	2,200	1,910	TCB	35,000	40,730	35,200	(13.7)	241	19/03/2026
180	CACB2502	1.6712 : 1	2,500	1,870	ACB	23,397	26,522	23,600	(12.3)	244	24/03/2026
181	CFPT2503	8.6247 : 1	2,800	560	FPT	155,243	160,073	110,700	(30.5)	244	24/03/2026
182	CHPG2505	1.6654 : 1	2,600	2,500	HPG	24,982	29,146	26,050	(10.1)	244	24/03/2026
183	CMBB2504	1.7377 : 1	2,300	4,040	MBB	23,459	30,479	28,450	(8.2)	244	24/03/2026
184	CMWG2504	4.9291 : 1	2,900	2,600	MWG	65,064	77,880	70,100	(10.5)	244	24/03/2026
185	CVNM2503	4.7916 : 1	2,600	1,450	VNM	66,123	73,071	63,200	(14.6)	244	24/03/2026
186	CVPB2502	1.9471 : 1	1,900	2,920	VPB	20,444	26,130	24,050	(10.1)	244	24/03/2026
187	CLPB2508	8.0000 : 1	1,100	910	LPB	38,688	45,968	35,250	(22.9)	252	01/04/2026
188	CSHB2509	2.0000 : 1	1,100	1,800	SHB	15,222	18,822	15,050	(20.9)	252	01/04/2026
189	CSSB2507	4.0000 : 1	1,000	1,230	SSB	20,999	25,919	20,700	(21.9)	252	01/04/2026

190	CVNM2518	10.0000 : 1	1,000	1,300	VNM	68,111	81,111	63,200	(23.1)	252	01/04/2026
191	CVPB2519	4.0000 : 1	1,000	1,650	VPB	21,888	28,488	24,050	(17.5)	252	01/04/2026
192	CMBB2505	3.0000 : 1	1,540	2,640	MBB	22,800	30,720	28,450	(9.0)	258	07/04/2026
193	CVHM2503	7.0000 : 1	1,480	7,370	VHM	42,000	93,590	93,700	(0.2)	258	07/04/2026
194	CVPB2504	2.9206 : 1	1,460	2,340	VPB	19,471	26,305	24,050	(10.7)	258	07/04/2026
195	CFPT2512	8.6247 : 1	2,800	2,200	FPT	108,670	127,644	110,700	(12.8)	262	09/04/2026
196	CHPG2517	1.6654 : 1	3,000	4,210	HPG	21,234	28,245	26,050	(7.3)	262	09/04/2026
197	CMBB2510	2.0000 : 1	2,800	3,610	MBB	24,500	31,720	28,450	(11.8)	262	09/04/2026
198	CMWG2510	7.8865 : 1	1,600	2,640	MWG	54,220	75,040	70,100	(7.1)	262	09/04/2026
199	CSTB2514	4.0000 : 1	2,200	3,550	STB	39,500	53,700	48,800	(8.8)	262	09/04/2026
200	CVHM2511	4.0000 : 1	3,000	9,630	VHM	58,000	96,520	93,700	(3.2)	262	09/04/2026
201	CVPB2512	1.9471 : 1	2,200	3,800	VPB	18,497	25,896	24,050	(9.3)	262	09/04/2026
202	CVRE2511	2.0000 : 1	2,300	4,910	VRE	21,500	31,320	29,500	(5.5)	262	09/04/2026
203	CHPG2527	4.0000 : 1	1,000	1,530	HPG	27,444	33,564	26,050	(22.0)	283	30/04/2026
204	CMSN2518	10.0000 : 1	1,100	1,530	MSN	89,999	105,299	75,800	(27.3)	283	30/04/2026
205	CSHB2510	2.0000 : 1	1,100	1,800	SHB	15,444	19,044	15,050	(21.9)	283	30/04/2026
206	CSSB2508	4.0000 : 1	1,000	1,240	SSB	21,666	26,626	20,700	(24.0)	283	30/04/2026
207	CSTB2523	8.0000 : 1	1,100	1,260	STB	56,868	66,948	48,800	(26.9)	283	30/04/2026
208	CVHM2518	8.0000 : 1	1,100	2,130	VHM	90,999	108,039	93,700	(13.5)	283	30/04/2026
209	CVIC2511	8.0000 : 1	1,100	2,350	VIC	113,979	132,779	114,100	(13.1)	283	30/04/2026
210	CVNM2519	10.0000 : 1	1,100	1,360	VNM	68,999	82,599	63,200	(24.5)	283	30/04/2026
211	CVPB2520	4.0000 : 1	1,000	1,650	VPB	22,222	28,822	24,050	(18.5)	283	30/04/2026
212	CVRE2518	4.0000 : 1	1,100	1,760	VRE	28,999	36,039	29,500	(17.8)	283	30/04/2026
213	CFPT2513	11.2120 : 1	1,700	810	FPT	116,433	125,515	110,700	(11.3)	299	18/05/2026
214	CHPG2518	2.4982 : 1	1,700	2,060	HPG	23,316	28,462	26,050	(8.0)	299	18/05/2026
215	CMBB2511	3.0000 : 1	1,800	1,880	MBB	25,000	30,640	28,450	(8.7)	299	18/05/2026
216	CMSN2512	7.0000 : 1	2,200	3,170	MSN	60,000	82,190	75,800	(6.9)	299	18/05/2026
217	CMWG2511	5.9149 : 1	2,400	2,410	MWG	63,092	77,347	70,100	(9.9)	299	18/05/2026
218	CSTB2515	3.0000 : 1	2,900	4,400	STB	40,000	53,200	48,800	(8.0)	299	18/05/2026
219	CTCB2507	3.0000 : 1	2,800	3,250	TCB	28,500	38,250	35,200	(8.1)	299	18/05/2026
220	CTPB2503	2.0000 : 1	1,700	2,000	TPB	13,000	17,000	15,600	(8.8)	299	18/05/2026
221	CVHM2512	4.0000 : 1	2,950	11,150	VHM	58,000	102,600	93,700	(8.9)	299	18/05/2026
222	CVIB2504	1.7565 : 1	1,900	1,920	VIB	16,687	20,059	18,400	(9.9)	299	18/05/2026
223	CVNM2511	6.0000 : 1	2,200	2,260	VNM	55,000	68,560	63,200	(9.0)	299	18/05/2026
224	CVPB2513	2.0000 : 1	2,500	3,790	VPB	18,000	25,580	24,050	(8.2)	299	18/05/2026
225	CVRE2512	2.0000 : 1	2,900	4,280	VRE	23,500	32,060	29,500	(7.6)	299	18/05/2026
226	CVRE2519	4.0000 : 1	1,100	1,750	VRE	29,999	36,999	29,500	(20.0)	313	01/06/2026
227	CACB2510	2.0000 : 1	1,800	2,290	ACB	22,500	27,080	23,600	(14.1)	333	19/06/2026
228	CFPT2517	8.6984 : 1	2,300	2,660	FPT	106,990	130,128	110,700	(14.5)	333	19/06/2026
229	CHPG2524	1.6654 : 1	2,500	3,590	HPG	23,733	29,712	26,050	(11.9)	333	19/06/2026
230	CLPB2503	4.0000 : 1	1,600	1,770	LPB	35,000	42,080	35,250	(15.8)	333	19/06/2026
231	CMBB2516	2.0000 : 1	2,200	2,890	MBB	26,500	32,280	28,450	(13.4)	333	19/06/2026
232	CMSN2516	4.0000 : 1	3,300	4,210	MSN	72,000	88,840	75,800	(13.9)	333	19/06/2026
233	CMWG2515	3.9433 : 1	3,100	3,790	MWG	67,035	81,980	70,100	(15.0)	333	19/06/2026
234	CSTB2521	4.0000 : 1	2,200	2,130	STB	50,000	58,520	48,800	(16.3)	333	19/06/2026
235	CTCB2512	2.0000 : 1	2,800	2,750	TCB	37,000	42,500	35,200	(17.3)	333	19/06/2026
236	CVHM2516	4.0000 : 1	3,400	6,610	VHM	79,000	105,440	93,700	(11.4)	333	19/06/2026
237	CVIB2508	1.7565 : 1	1,500	2,250	VIB	16,687	20,639	18,400	(12.4)	333	19/06/2026

238	CVNM2515	4.0000 : 1	2,300	3,080	VNM	60,000	72,320	63,200	(13.7)	333	19/06/2026
239	CVPB2516	2.0000 : 1	1,700	3,320	VPB	20,000	26,640	24,050	(11.8)	333	19/06/2026
240	CVRE2516	2.0000 : 1	2,800	3,830	VRE	26,000	33,660	29,500	(12.0)	333	19/06/2026
241	CHPG2523	2.4982 : 1	2,000	2,400	HPG	24,149	30,145	26,050	(13.1)	333	19/06/2026
242	CSTB2519	3.0000 : 1	3,000	2,490	STB	51,000	58,470	48,800	(16.3)	333	19/06/2026
243	CACB2511	2.0000 : 1	2,000	2,460	ACB	23,000	27,920	23,600	(16.7)	425	21/09/2026
244	CFPT2518	8.6984 : 1	2,600	3,030	FPT	106,990	133,346	110,700	(16.5)	425	21/09/2026
245	CHPG2525	1.6654 : 1	2,800	3,860	HPG	24,149	30,577	26,050	(14.3)	425	21/09/2026
246	CMBB2517	2.0000 : 1	2,400	3,120	MBB	27,000	33,240	28,450	(15.9)	425	21/09/2026

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

CW: Chứng quyền, Sắp xếp theo Ngày giao dịch cuối cùng

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..